

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 64

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên
Bà Trần Thị Hoàn	Thành viên
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 61515943/E-68678708/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 64, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

THỊ T M.S.D.A.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đào Văn Thích

Giám đốc Cấp cao

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

33
R
V
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.403.884.476.413	2.718.530.108.296
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.202.552.024.840	1.502.546.366.440
111	1. Tiền		1.163.979.930.925	1.221.207.424.886
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.572.093.915	281.338.941.554
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	20.000.000.000	132.526.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	132.526.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		482.470.114.725	364.401.317.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	360.875.703.347	246.159.446.019
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	116.604.567.682	113.311.199.249
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.989.843.696	3.430.672.038
140	IV. Hàng tồn kho	9	652.337.416.700	683.028.564.319
141	1. Hàng tồn kho		652.337.416.700	683.028.564.319
			-	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		46.524.920.148	36.027.360.231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	7.933.820.832	2.367.460.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	38.591.099.316	33.659.899.245

ĐỀ
 CÔNG
 T
 ST
 Ế
 HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.309.679.844.368	2.760.245.383.431
310	I. Nợ ngắn hạn		1.933.629.794.165	2.239.260.932.454
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	293.603.788.324	379.391.209.171
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	62.450.646.852	108.285.566.511
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.205.110.725	46.740.224.207
314	4. Phải trả người lao động		25.012.607.110	23.169.940.373
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	18.373.024.167	32.182.653.260
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.700.793.604	2.527.687.226
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.486.674.901.762	1.642.559.164.541
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	22.608.921.621	4.404.487.165
330	II. Nợ dài hạn		376.050.050.203	520.984.450.977
338	1. Vay dài hạn	18	373.836.295.223	520.984.450.977
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	2.213.754.980	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.385.392.157.170	5.452.821.672.684
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	5.385.392.157.170	5.452.821.672.684
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		654.742.483.899	722.171.999.413
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		565.978.837.240	425.666.189.605
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		88.763.646.659	296.505.809.808
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.695.072.001.538	8.213.067.056.115

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 8 năm 2025

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.187.384.363.641	1.909.817.162.409
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.187.384.363.641	1.909.817.162.409
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.871.965.930.388)	(1.585.074.275.478)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		315.418.433.253	324.742.886.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	79.801.616.791	247.202.305.039
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(139.565.070.276) (49.983.987.081)	(12.545.733.758) (49.265.907.640)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(104.963.354.767)	(109.399.211.666)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(48.193.215.596)	(45.349.733.480)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.498.409.405	404.650.513.066
31	11. Thu nhập khác	27	3.572.895.818	2.024.014.618
32	12. Chi phí khác	27	(2.108.235.847)	(60.814.814)
40	13. Lợi nhuận khác	27	1.464.659.971	1.963.199.804
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.963.069.376	406.613.712.870
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(11.224.322.042)	(39.706.266.400)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(3.975.100.675)	(4.680.473.807)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		88.763.646.659	362.226.972.663

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		103.963.069.376	406.613.712.870
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất trả trước		110.400.173.459	89.293.446.941
03	Các khoản dự phòng		(1.643.500.049)	(42.476.911.594)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(16.808.657.106)	(25.726.788.321)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		48.839.561.328	(178.906.294.328)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	24	54.054.918.151	52.642.856.509
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		298.805.565.159	301.440.022.077
09	Tăng các khoản phải thu		(112.322.877.037)	(33.772.422.669)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		30.691.147.619	(54.320.732.529)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(116.597.858.035)	56.712.965.918
12	Tăng chi phí trả trước		(18.930.958.136)	(10.641.914.680)
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.195.078.139)	(49.532.689.141)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.549.684.101)	(17.194.038.038)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19	(23.306.378.917)	(20.349.200.949)
20	Lưu chuyển tiền thuần (vào)/từ hoạt động kinh doanh		(38.406.121.587)	172.341.989.989
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(98.142.586.777)	(303.773.879.924)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		490.909.091	1.545.454.545
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(288.947.100.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		114.026.500.000	422.513.936.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(98.022.500.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		186.425.810.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.198.846.080	177.070.515.853
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		143.976.978.394	8.408.926.474

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.774.891.898.422	1.626.181.657.834
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.086.268.777.404)	(1.517.941.653.248)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(114.663.284.700)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (vào)/từ hoạt động tài chính		(426.040.163.682)	108.240.004.586
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(320.469.306.875)	288.990.921.049
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.502.546.366.440	1.516.218.987.027
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.474.965.275	27.778.907.852
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	1.202.552.024.840	1.832.988.815.928

Hải Phòng, Việt Nam

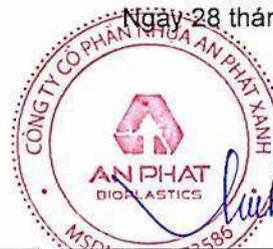
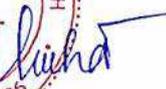
Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty An Phát Holdings") là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là "Tập đoàn".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.650 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.673 người).



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	96,92%	96,92%	93,04%	93,04%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	97,66%	99,99%	94,7%	99,99%	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, xã An Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
3	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
4	An Phát International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
5	AFC EcoPlastics, LLC. ("Công ty AFC")	87,50%	87,50%	87,50%	87,50%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Kinh doanh hạt nhựa



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
6	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	63,60%	60,17%	67,48%	100%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
7	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	23,27%	51%	34,42%	51%	216, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	62,75%	62,75%	62,75%	62,75%	Tổ 12, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật
9	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (i)	62,75%	100%	62,75%	100%	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư - VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (i)	62,75%	100%	62,75%	100%	Thôn Hảo, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
11	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (i)	62,75%	99,84%	62,75%	99,84%
12	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên ("Công ty Lương Điền Ngọc Liên") (i)	97,66%	99,99%	94,7%	99,99%
				Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất
				Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đông, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

Ngoài ra, Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

30
T
H
Y
C
N
A
10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 48 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng và thuê đất;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Công ty ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương trong thời hạn từ 21 năm đến 48 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong kỳ được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

11/02/2025
 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH
 11/02/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

02
/ TY
4
/ 0
/ A
/ 5
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần An Thành

Theo Nghị quyết số 120202/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần, tương đương 48,65% vốn điều lệ của Công ty An Thành, công ty con của Công ty, cho một công ty con khác là Công ty An Tiến. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 27 tháng 2 năm 2025, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong công ty An Thành giảm còn 0,03% vốn điều lệ.

4.2 Giảm vốn đầu tư vào Công ty PBAT

Theo Nghị quyết số 130202/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc giảm vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT. Sau khi giảm vốn, giá trị vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT (tính theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần) là 41.441.200.000 đồng, tương đương 4.144.120 cổ phần, chiếm 21,15% vốn điều lệ của Công ty PBAT. Vào ngày 3 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận lại khoản hoàn trả này từ Công ty PBAT.

4.3 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần An Tiến (“Công ty An Tiến”)

Theo Nghị quyết số 100302/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 7.185.500 cổ phần, tương đương 9,75% vốn điều lệ của Công ty An Tiến, công ty con của Công ty. Vào ngày 27 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Tiến giảm còn 45,10% và Công ty Cổ phần An Tiến trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt

Theo Nghị quyết số 180402/2025/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 1.470.000 cổ phần, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt, công ty liên kết của Công ty. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 28 tháng 4 năm 2025, Công ty Cổ phần Giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

4.5 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu - Công ty An Phát Complex

Theo Nghị quyết số 020602/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng 3.920.000 cổ phần, tương đương với 3,89% vốn điều lệ của Công ty An Phát Complex. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng vào ngày 2 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty An Phát Complex tăng lên 96,92% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Tiền mặt	3.357.037.107	727.945.338
Tiền gửi ngân hàng	1.160.622.893.818	1.220.479.479.548
Các khoản tương đương tiền (*)	38.572.093.915	281.338.941.554
TỔNG CỘNG	<u>1.202.552.024.840</u>	<u>1.502.546.366.440</u>

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 4,4%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 4,75%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kì hạn và tiền tại tài khoản thanh toán của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	132.526.500.000	132.526.500.000
TỔNG CỘNG	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>132.526.500.000</u>	<u>132.526.500.000</u>

(*) Khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng, với lãi suất tiền gửi 4,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng VND từ 2,9% - 4,5%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kì hạn của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phải thu từ khách hàng khác	264.626.349.364	241.823.674.612
<i>KOMPOL SP. Z O.O</i>	42.532.170.291	37.532.081.410
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	222.094.179.073	204.291.593.202
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	96.249.353.983	4.335.771.407
TỔNG CỘNG	360.875.703.347	246.159.446.019

Một số khoản phải thu khách hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng thương mại của Công ty tại Thuyết minh 18.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Trả trước cho các bên khác	108.104.567.682	113.311.199.249
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (*)</i>	70.109.062.731	63.489.957.143
<i>Công ty Cổ phần Kết cấu thép Bình Phú</i>	17.061.250.000	-
<i>Asia Oriental Technology Pte.,Ltd.</i>	8.415.200.000	17.969.615.240
<i>Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam</i>	-	13.580.288.922
<i>Các bên khác</i>	12.519.054.951	18.271.337.944
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	116.604.567.682	113.311.199.249

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng và nhà cung cấp máy móc, thiết bị sản xuất cho Dự án Nhà máy 9 - Nhà máy sản xuất bao bì nhựa và bao bì phân hủy sinh học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	143.423.994	-	2.949.672.038	-
Tạm ứng cho nhân viên	825.675.000	-	40.000.000	-
Ký quỹ	4.020.744.702	-	-	-
Cổ tức được chia	-	-	441.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.989.843.696	-	3.430.672.038	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>4.989.843.696</i>	<i>-</i>	<i>2.989.672.038</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>441.000.000</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Phải thu theo các hợp đồng hợp tác (*)	14.328.330.000	-	-	-
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác	698.243.000	-	698.243.000	-
TỔNG CỘNG	15.377.149.081	-	1.048.819.081	-

(*) Đây là khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác với một số cá nhân để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích triển khai Dự án mở rộng nhà máy sản xuất của Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	118.363.349.465	-	243.270.796.271	-
Nguyên vật liệu	308.882.578.145	-	217.490.912.336	-
Công cụ, dụng cụ	21.467.801.060	-	18.717.524.482	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.163.764.679	-	9.397.770.594	-
Thành phẩm	111.003.764.720	-	99.118.813.635	-
Hàng hóa	28.842.849	-	42.753.808	-
Hàng gửi đi bán	82.427.315.782	-	94.989.993.193	-
TỔNG CỘNG	652.337.416.700	-	683.028.564.319	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.275.306.123	2.133.100.068
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	658.514.709	234.360.918
TỔNG CỘNG	7.933.820.832	2.367.460.986
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	237.332.464.154	240.709.372.880
Chi phí sửa chữa lớn	28.150.837.822	24.470.438.503
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.170.053.758	10.891.418.782
Chi phí trả trước khác	2.007.109.853	2.601.545.858
TỔNG CỘNG	288.660.465.587	278.672.776.023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	859.106.269.090	1.925.302.084.513	8.101.912.734	18.054.150.000	26.734.728.800	3.005.815.048.918
- Mua trong kỳ	-	54.324.310.700	-	-	-	60.524.752.064
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.571.203.404	-	-	-	-	10.571.203.404
- Lắp đặt chạy thử hoàn thành	-	54.744.090.909	-	-	-	54.744.090.909
- Phân loại lại	-	(1.182.818.181)	-	-	-	-
- Tăng/(giảm) khác	(1.113.693.786)	(1.325.228.822)	1.049.091	-	(980.193.182)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.030.194.679)	-	-	-	(12.697.135.861)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	868.563.778.708	2.022.832.244.440	8.102.961.825	18.054.150.000	25.754.535.618	3.118.957.959.434
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	54.292.809.209	521.218.847.998	5.810.094.411	2.466.500.000	5.016.404.296	646.616.076.403
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	261.341.390.243	1.267.142.884.893	7.595.287.097	10.110.548.115	20.043.159.996	1.677.112.781.397
- Khấu hao trong kỳ	17.988.655.012	79.865.920.454	209.545.419	538.747.500	980.239.961	105.684.023.387
- Phân loại lại	-	(1.025.143.184)	-	-	-	-
- Tăng/(giảm) khác	463.612.192	(792.600.674)	(239.078.289)	-	(48.199.635)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.794.351.858)	-	-	-	(5.994.676.803)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	279.793.657.447	1.342.396.709.631	7.565.754.227	10.649.295.615	20.975.200.322	1.776.802.127.981
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	597.764.878.847	658.159.199.620	506.625.637	7.943.601.885	6.691.568.804	1.328.702.267.521
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	588.770.121.261	680.435.534.809	537.207.598	7.404.854.385	4.779.335.296	1.342.155.831.453

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 574,2 tỷ VND của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	78.087.072.029	1.225.438.000	79.312.510.029
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	78.087.072.029	1.225.438.000	79.312.510.029
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	400.948.000	400.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	22.479.745.834	757.966.063	23.237.711.897
- Hao mòn trong kỳ	1.266.401.820	72.839.526	1.339.241.346
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	23.746.147.654	830.805.589	24.576.953.243
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	55.607.326.195	467.471.937	56.074.798.132
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	54.340.924.375	394.632.411	54.735.556.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)					
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Hil" hoặc "Công ty An Tiến") (ii)	3.490.881.545.563	(312.060.826.702)	3.995.728.676.794	(364.480.365.118)	
- Công ty An Phát Complex (iii)	1.019.862.500.000	-	407.298.831.231	-	179.813.633.100
- Công ty An Phát Complex 1	295.560.000.000	-	921.840.000.000	-	(i)
- Công ty An Vinh	461.395.540.000	-	295.560.000.000	-	(i)
- An Phat International, Inc.	455.040.300.000	(272.147.371.417)	461.395.540.000	-	(i)
- Công ty PBAT (iv)	70.861.200.000	(39.913.455.285)	455.040.300.000	(277.996.654.065)	(i)
- Công ty Nhựa Hà Nội	1.188.162.005.563	-	92.020.000.000	(35.707.672.686)	(i)
- Công ty Cổ phần An Thành Bisco ("ATT" hoặc "Công ty An Thành") (v)	-	-	1.188.162.005.563	-	601.386.609.300
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)					
- Công ty An Tiến (ii)	409.187.374.282	-	174.412.000.000	(50.776.038.367)	(i)
- Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	334.870.654.507	-	128.709.199.227	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt (vi)	74.316.719.775	-	53.050.375.700	-	52.266.380.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)					
- Công ty An Thành (v)	79.656.187	-	54.392.479.452	-	(i)
	79.656.187	-	-	-	(i)
TỔNG CỘNG	3.900.148.576.032	(312.060.826.702)	4.124.437.876.021	(364.480.365.118)	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HOSE và sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 7.185.500 cổ phiếu của Công ty An Tiến với số tiền là 33,8 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 38,7 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty An Tiến xuống 45,10%.
- (iii) Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.920.900 cổ phần của Công ty An Phát Complex. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Phát Complex lên 96,92%.
- (iv) Trong kỳ, Công ty PBAT đã hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo kế hoạch giảm vốn được Đại hội đồng cổ đông Công ty PBAT phê duyệt. Theo đó, sau khi hoàn trả, Công ty còn nắm giữ trực tiếp 4.144.120 cổ phần của Công ty PBAT, tương đương 21,15 % vốn điều lệ.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần của Công ty An Thành với số tiền là 105,5 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 18,1 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Thành xuống 0,03%.
- (vi) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.470.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt với số tiền là 26 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 28,4 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày chuyển nhượng.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VNĐ
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	256.923.307.651
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.878.247.882
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(44.355.159.476)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>214.446.396.057</u>
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
	364.480.365.118
	4.205.782.599
	(5.849.282.648)
	<u>(50.776.038.367)</u>
	<u>312.060.826.702</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 6 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8) với tỷ lệ như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Phát Complex	96,92%	96,92%	93,04%	93,04%
Công ty An Phát Complex 1	24%	99,99%	24%	99,99%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty PBAT	21,15%	60,17%	21,15%	100%
Công ty Nhựa Hà Nội	62,75%	62,75%	62,75%	62,75%

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	-	-	49%	49%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Khối 8, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa	34,84%	34,84%	34,84%	34,84%
Công ty An Tiến	Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá	45,10%	45,10%	-	-

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Thành	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS,...	0,03%	0,03%	48,69%	99,69%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	256.925.163.749	256.925.163.749	354.358.304.543	354.358.304.543
Công ty Chevron Phillips Chemicals Asia Pte Ltd	94.385.111.244	94.385.111.244	91.074.065.765	91.074.065.765
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	36.671.011.812	36.671.011.812	58.294.223.236	58.294.223.236
Qatarenergy Marketing	17.188.759.500	17.188.759.500	46.898.604.990	46.898.604.990
Khác	108.680.281.193	108.680.281.193	158.091.410.552	158.091.410.552
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	36.678.624.575	36.678.624.575	25.032.904.628	25.032.904.628
TỔNG CỘNG	293.603.788.324	293.603.788.324	379.391.209.171	379.391.209.171

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước khác	56.976.056.678	56.976.056.678	43.480.935.921	43.480.935.921
Million Success Intertrade Pte. Ltd.	9.064.611.624	9.064.611.624	3.835.935.067	3.835.935.067
Japan Media Co., Ltd.	6.336.177.795	6.336.177.795	241.021.300	241.021.300
Khác	41.575.267.259	41.575.267.259	39.403.979.554	39.403.979.554
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.474.590.174	5.474.590.174	64.804.630.590	64.804.630.590
TỔNG CỘNG	62.450.646.852	62.450.646.852	108.285.566.511	108.285.566.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.549.684.101	11.224.322.042	(46.549.684.101)	11.224.322.042
Thuế giá trị gia tăng	-	23.155.472.352	(23.155.472.352)	-
Các loại thuế khác	190.540.106	4.727.869.275	(1.937.620.698)	2.980.788.683
TỔNG CỘNG	46.740.224.207	39.107.663.669	(71.642.777.151)	14.205.110.725
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã được căn trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	33.659.899.245	73.501.711.859	(68.570.511.788)	38.591.099.316
TỔNG CỘNG	33.659.899.245	73.501.711.859	(68.570.511.788)	38.591.099.316

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	4.926.994.381	5.138.085.439
Trích trước lương tháng 13	10.622.382.360	21.275.623.957
Chi phí khác	2.823.647.426	5.768.943.864
TỔNG CỘNG	18.373.024.167	32.182.653.260

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	8.249.615.748	1.350.376.827
Cổ tức phải trả	128.392.143	109.328.043
Phải trả khác	2.322.785.713	1.067.982.356
TỔNG CỘNG	10.700.793.604	2.527.687.226

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Số phát sinh trong kỳ				Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Khác	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn									
Vay ngân hàng	1.478.734.323.666	1.478.734.323.666	1.774.891.898.422	(1.979.858.777.404)	4.273.529.379	1.278.040.974.063	1.278.040.974.063	1.278.040.974.063	
Vay dài hạn đến hạn trả	163.824.840.875	163.824.840.875	106.219.086.824	(61.410.000.000)	-	208.633.927.699	208.633.927.699	208.633.927.699	
TỔNG CỘNG	1.642.559.164.541	1.642.559.164.541	(2.041.268.777.404)	4.273.529.379	1.486.674.901.762	1.486.674.901.762	1.486.674.901.762	1.486.674.901.762	
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng	520.984.450.977	520.984.450.977	-	(151.219.086.824)	4.070.931.070	373.836.295.223	373.836.295.223	373.836.295.223	
TỔNG CỘNG	520.984.450.977	520.984.450.977	(151.219.086.824)	4.070.931.070	373.836.295.223	373.836.295.223	373.836.295.223	373.836.295.223	
TỔNG CỘNG	2.163.543.615.518	2.163.543.615.518	(2.192.487.864.228)	8.344.460.449	1.860.511.196.985	1.860.511.196.985	1.860.511.196.985	1.860.511.196.985	

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	VND 713.833.885.750	Nguyên tệ		
	713.833.885.750	713.833.885.750 VND		
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	564.207.088.313	21.452.679 USD		
			4,1% - 5,5%	(i)
			3,7% - 4,3%	(i)

TỔNG CỘNG 1.278.040.974.063

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 32 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	582.470.222.922	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ từ 36 tới 60 tháng. Lãi vay trả hàng tháng hoặc hàng quý. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2030.	5% - 7,1%	(ii)
TỔNG CỘNG	582.470.222.922			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	208.633.927.699			
Vay dài hạn	373.836.295.223			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 4 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5, và Nhà máy 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Số đầu kỳ	4.404.487.165	1.760.688.711
Trích quỹ trong kỳ (*)	41.510.813.373	32.844.419.644
Sử dụng trong kỳ	<u>(23.306.378.917)</u>	<u>(30.200.621.190)</u>
Số cuối kỳ	<u>22.608.921.621</u>	<u>4.404.487.165</u>

(*) Trong kỳ, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

1
G
H
&
T
V
=

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Số cuối kỳ	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Cổ tức đã công bố	114.682.348.800	-

20.3 Cổ tức

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024: VND 300/cổ phiếu	114.682.348.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-

20.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	44.209.654	42.544.418
Đồng Euro – EUR	13.614	8.568
Bảng Anh – GBP	46	56

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tổng doanh thu	2.187.384.363.641	1.909.817.162.409
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.980.279.195.349	1.830.861.350.036
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	197.282.390.374	70.939.561.525
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.822.777.918	8.016.250.848
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.187.384.363.641	1.909.817.162.409
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.896.697.366.369	1.806.059.691.270
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	290.686.997.272	103.757.471.139

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.536.006.436	14.670.608.583
Cổ tức (*)	25.415.591.600	162.690.231.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.850.018.755	69.841.465.256
TỔNG CỘNG	79.801.616.791	247.202.305.039

(*) Đây là cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 29.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Giá vốn bán thành phẩm	1.675.690.693.002	1.515.379.415.872
Giá vốn bán hàng hóa	193.989.015.942	69.133.053.344
Giá vốn dịch vụ	2.286.221.444	561.806.262
TỔNG CỘNG	<u>1.871.965.930.388</u>	<u>1.585.074.275.478</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí lãi vay	49.983.987.081	49.265.907.640
Chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay	4.070.931.070	3.376.948.869
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.643.500.049)	(42.476.911.594)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.993.042.777	2.379.788.843
Lỗ do thoái vốn công ty con và công ty liên kết (Thuyết minh số 13)	85.160.609.397	-
TỔNG CỘNG	<u>139.565.070.276</u>	<u>12.545.733.758</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu	66.664.709.096	64.589.290.668
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	26.529.471.487	35.252.063.842
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.945.555.175	2.532.569.211
Chi phí nhân viên bán hàng	3.881.389.608	3.872.379.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.793.374.753	2.647.275.269
Chi phí khác	1.148.854.648	505.633.509
TỔNG CỘNG	<u>104.963.354.767</u>	<u>109.399.211.666</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	19.105.815.930	15.170.066.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.908.149.000	17.291.679.829
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.007.327.795	9.896.523.756
Chi phí khác	1.171.922.871	2.991.463.439
TỔNG CỘNG	<u>48.193.215.596</u>	<u>45.349.733.480</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.316.382.689.984	1.254.416.832.994
Chi phí nhân công	176.382.981.160	150.550.072.607
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định, và phân bổ tiền thuê đất trả trước	110.400.173.460	89.293.446.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.735.130.445	207.930.737.609
Chi phí khác	2.320.777.519	3.506.346.948
TỔNG CỘNG	<u>1.831.221.752.568</u>	<u>1.705.697.437.099</u>

27. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Thu nhập khác	3.572.895.818	2.024.014.618
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	369.450.033	1.545.454.545
Tiền bồi thường	1.400.000.000	-
Các khoản khác	1.803.445.785	478.560.073
Chi phí khác	2.108.235.847	60.814.814
Chi phí sửa chữa	1.503.628.260	-
Khác	604.607.587	60.814.814
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>1.464.659.971</u>	<u>1.963.199.804</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.224.322.042	39.784.236.473
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.975.100.675	4.680.473.807
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(77.970.073)
TỔNG CỘNG	15.199.422.717	44.386.740.207

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.963.069.376	406.613.712.870
<i>Thu nhập chịu mức thuế suất 20%</i>	<i>103.963.069.376</i>	<i>406.613.712.870</i>
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	20.792.613.875	81.322.742.574
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>20.792.613.875</i>	<i>81.322.742.574</i>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức được chia	(5.083.118.320)	(32.538.046.240)
Hoàn nhập chi phí dự phòng không được trừ	(1.169.856.530)	(6.067.385.739)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	659.783.692	551.227.669
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(77.970.073)
Chi phí khác	-	1.196.172.016
Chi phí thuế TNDN	15.199.422.717	44.386.740.207

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	2.131.372.822	3.102.953.956	(971.581.134)	1.846.422.930
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	-	-	-	(799.356.573)
	<u>2.131.372.822</u>	<u>3.102.953.956</u>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	(4.345.127.802)	(1.341.608.261)	(3.003.519.541)	(5.727.540.164)
	<u>(4.345.127.802)</u>	<u>(1.341.608.261)</u>		
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>(2.213.754.980)</u>	<u>1.761.345.695</u>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			<u>(3.975.100.675)</u>	<u>(4.680.473.807)</u>

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai:

Đơn vị tính: VND

Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	<u>276.798.878.200</u>
TỔNG CỘNG	<u>276.798.878.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty An Phát Holdings")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1")	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên ("Công ty Lương Điền Ngọc Liên")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Công ty con
Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung")	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim ("Công ty Viexim")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC")	Công ty con (đến ngày 26 tháng 05 năm 2025)
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Công ty con
Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor")	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty An Tiến")	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
	Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore")	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát ("Công ty Suất ăn An Phát")	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Anbio ("Công ty Anbio")	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày tại mục Thông tin chung.

CỔ PHÂN NHỰA AN PHÁT XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Chia và trả cổ tức bằng tiền	57.536.218.200	-
		Thanh toán phí dịch vụ	2.253.636.000	1.796.020.344
		Mua hàng và dịch vụ	2.086.700.000	1.662.981.800
		Nhận thanh toán tiền hàng	336.960.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	312.000.000	415.343.518
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.053.134.514	50.260.144.301
		Thu tiền hàng	128.655.474.844	100.581.149.762
		Mua hàng và dịch vụ	58.029.256.515	72.734.240.679
		Thanh toán tiền hàng	43.980.604.000	91.707.855.720
Công ty An Thành Singapore	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Doanh thu bán hàng	13.463.837.888	1.713.270.000
		Thu tiền hàng	-	1.713.270.000
		Mua hàng	8.937.623.970	18.541.878.450
		Thanh toán tiền hàng	15.163.654.260	10.669.193.070
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.046.045.120	7.613.688.170
		Thu tiền hàng	6.557.930.543	8.021.607.990
		Mua hàng	267.422.640	1.058.678.400
		Thanh toán tiền hàng	936.123.382	1.115.043.900
		Thu tiền cho vay	-	15.000.000.000
		Cổ tức được chia	10.745.000.000	-
		Nhận tiền cổ tức	10.745.000.000	-
		Lãi cho vay	-	164.383.562
Công ty An Tiến	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Chuyển nhượng cổ phần	105.476.160.000	-
		Nhận tiền chuyển nhượng cổ phần	105.476.160.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.807.501.277	19.580.095.052
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	43.522.927.507	42.453.521.173
		Mua hàng và dịch vụ	40.321.043.248	38.327.282.990
		Cổ tức được chia	9.966.617.400	-
		Nhận tiền cổ tức	9.966.617.400	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	-	52.036.754.357
		Thanh lý tài sản	6.581.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
An Phat International, Inc.	Công ty con	Doanh thu bán hàng	42.680.759.367	-
		Thu tiền hàng	3.354.469.074	2.415.755.547
		Mua hàng và dịch vụ	-	15.414.225.915
		Thanh toán tiền hàng	-	15.432.992.849
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng và dịch vụ	49.828.781.244	48.427.056.236
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	54.054.113.994	44.581.607.136
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	540.818.184	525.818.184
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Thu tiền hàng và dịch vụ	591.720.000	575.520.000
		Chi hộ phí xuất, nhập hàng	14.328.547.331	10.589.060.652
		Thanh toán phí chi hộ phí xuất, nhập hàng	10.766.444.807	10.385.344.516
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	10.000.000.000	71.500.000.000
		Thu hồi gốc vay	10.000.000.000	329.480.000.000
		Thu tiền hàng và dịch vụ	254.068.000	288.292.200
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.025.926	264.715.000
		Lãi cho vay	27.945.205	1.379.159.178
		Thu tiền lãi cho vay	-	13.642.398.494
		Cổ tức được chia	-	140.700.000.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	140.700.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Cho vay	185.000.000.000	-
		Thu hồi gốc vay	185.000.000.000	-
		Lãi cho vay	506.958.904	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	85.820.000	682.006.377
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.200.000	620.807.016
Công ty AFC	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.865.453.830	16.391.096.592
		Thu tiền hàng và dịch vụ	15.401.967.496	15.315.139.425
Công ty PBAT	Công ty con	Nhận tiền giảm vốn	21.158.800.000	-
		Nhận thanh toán tiền hàng	15.000.000	300.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.888.889	83.448.334
		Cho vay	-	650.000.000
		Nhận tiền cho vay	-	99.590.000.000
		Lãi cho vay	-	1.029.254.848
		Thu tiền lãi cho vay	-	7.043.591.287
Công ty Ankor	Công ty con	Mua hàng và dịch vụ	1.573.600.000	2.510.520.000
		Thanh toán tiền hàng	-	2.510.520.000

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty An Cường	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.852.413.994	334.665.610
		Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác xuất khẩu	16.598.759.291	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	30.904.180.793	244.703.440
		Thu tiền liên quan đến hợp đồng ủy thác xuất khẩu	7.228.196.640	-
		Thanh toán tiền hàng	10.182.163.398	152.542.587
		Mua hàng	5.608.830.832	306.849.774
		Cho vay	-	21.184.019.400
		Nhận tiền cho vay	-	1.184.019.400
		Lãi cho vay	-	306.205.977
		Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia
Doanh thu bán hàng	59.525.498			1.752.198.000
Thu tiền hàng và dịch vụ	18.238.230			1.404.707.750
Thanh toán tiền hàng	8.391.600			52.380.000
Mua hàng hóa	7.770.000			52.100.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng và dịch vụ	22.710.258.533	25.671.786.636
		Thanh toán tiền hàng	22.524.358.128	26.595.835.240
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.680.534.219	3.916.167.038
		Thu tiền hàng và dịch vụ	7.094.399.846	6.782.358.750
		Chi hộ tiền điện, nước	1.252.503.365	2.268.057.128
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền hàng	8.500.000.000	195.000.000
		Doanh thu bán hàng hóa	223.144.928	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	189.170.454	-
		Mua hàng và dịch vụ	597.685	-
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.703.974.200	4.703.974.200
		Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ	9.906.625.000	8.982.752.895
		Thanh toán phí dịch vụ	10.537.873.880	9.566.577.387
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.516.640	104.316.838
		Thu tiền hàng và dịch vụ	103.440.900	113.271.925
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)	Nhận tiền cổ tức	441.000.000	-
Công ty An Trung	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.172.386	175.747.486
		Thu tiền hàng và dịch vụ	108.708.050	189.832.848
		Mua hàng	61.680.483	114.164.950
		Thanh toán tiền hàng	66.614.922	-
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Chi hộ	43.465.345	246.882.154
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của APH (đến ngày 09 tháng 10 năm 2024)	Chi hộ và tạm ứng Thanh toán chi hộ và hoàn ứng	- -	5.564.414.109 5.563.981.575

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
An Phát International, Inc.	Công ty con	Bán hàng	39.519.385.846	-
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.684.894.091	4.177.818.227
Công ty An Cường	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	14.147.454.796	149.313.780
Công ty An Thành Singapore	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng	13.517.625.825	-
Công ty An Tiến	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Phải thu thanh lý tài sản	7.107.480.000	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng hóa, dịch vụ cho thuê nhà xưởng và cho thuê kho	1.601.499.779	-
Công ty AFC	Công ty con	Bán hàng	539.229.047	-
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng	48.378.100	-
Công ty cổ phần nhựa Hà Nội	Công ty con	Bán hàng	46.049.308	-
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.357.191	8.639.400
TỔNG CỘNG			96.249.353.983	4.335.771.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	8.500.000.000	-
TỔNG CỘNG			8.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)	Cổ tức được chia	-	441.000.000
TỔNG CỘNG			-	441.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa	19.851.578.150	-
Công ty An Cường	Công ty con	Mua công cụ, dụng cụ	1.641.228.065	5.750.832.636
Công ty Ankor	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.578.000.000	-
Công ty An Tiến	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa	673.949.515	-
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Mua hàng hóa	104.071.418	104.071.418
Công ty Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty con	Mua hàng hóa	-	643.901.023
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa	1.958.469.840	1.797.156.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)(tiếp theo)				
Công ty An Thành Singapore	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa	-	6.220.135.440
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ vận tải	5.397.691.334	7.497.330.352
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa	5.473.636.253	3.019.477.039
TỔNG CỘNG			36.678.624.575	25.032.904.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty An Tiến	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng hóa	5.474.590.174	63.874.068.365
	Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)			
Công ty AFC	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	930.562.225
TỔNG CỘNG			5.474.590.174	64.804.630.590
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Chi phí chi trả hộ	4.896.227.071	1.334.124.547
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)			
Công ty An Cường	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	3.330.178.477	-
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Chi phí chi trả hộ	23.210.200	16.252.280
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)			
TỔNG CỘNG			8.249.615.748	1.350.376.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	296.703.076	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc	533.875.769	477.331.154
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	604.455.769	488.682.693
Bà Trần Thị Thoàn	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	673.233.845	534.640.385
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc	499.141.385	387.333.154
TỔNG CỘNG		<u>2.727.409.844</u>	<u>2.097.987.386</u>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày	Hoạt động sản xuất doanh thương mại	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.980.279.195.349	197.282.390.374	9.822.777.918	-	2.187.384.363.641
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.980.279.195.349	197.282.390.374	9.822.777.918	-	2.187.384.363.641
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	304.588.502.347	3.293.374.432	7.536.556.474	-	315.418.433.253
Chi phí không phân bổ (i)					(211.455.363.877)
Lợi nhuận thuần trước thuế					103.963.069.376
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(15.199.422.717)
Lợi nhuận thuần sau thuế					88.763.646.659
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ					
Tài sản cố định hữu hình	54.178.744.433	6.272.089.092	73.918.539	-	60.524.752.064
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	224.524.161	25.992.399	306.329	-	250.822.888
Khấu hao và hao mòn và phân bổ tiền thuế đất trả trước	98.824.738.298	11.440.604.052	134.831.110	-	110.400.173.460
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận					
Tài sản không phân bổ (ii)	2.532.867.376.734	287.976.227.056	4.630.531.485	-	2.825.474.135.275
Tổng tài sản					4.869.597.866.263
Công nợ bộ phận					7.695.072.001.538
Công nợ không phân bổ (iii)	319.357.208.701	36.058.205.816	639.020.659	-	356.054.435.176
Tổng công nợ					1.953.625.409.192
					2.309.679.844.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Hoạt động sản xuất doanh thương mại	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.830.861.350.036	70.939.561.525	8.016.250.848	-	1.909.817.162.409
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.830.861.350.036	70.939.561.525	8.016.250.848	-	1.909.817.162.409
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	315.481.934.164	1.806.508.181	7.454.444.586	-	324.742.886.931
Thu nhập không phân bổ (i)					81.870.825.939
Lợi nhuận thuần trước thuế					406.613.712.870
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(44.386.740.207)
Lợi nhuận thuần sau thuế					362.226.972.663
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	3.283.336.423	917.388.594	1.254.983	-	4.201.980.000
Tài sản cố định hữu hình	2.530.045.531	706.913.521	967.054	-	3.237.926.106
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang					
Khấu hao và hao mòn và phân bổ tiền thuế đất trả trước	72.949.207.265	20.382.550.570	27.883.217	-	93.359.641.051
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	2.134.122.738.493	91.443.928.610	1.592.407.188	-	2.227.159.074.291
Tài sản không phân bổ (ii)					5.889.508.398.617
Tổng tài sản					8.116.667.472.908
Công nợ bộ phận	367.790.458.496	15.850.657.220	677.534.004	-	384.318.649.720
Công nợ không phân bổ (iii)					2.213.805.987.649
Tổng công nợ					2.598.124.637.369

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu về cho vay, phải thu khác, thuế GTGT được khấu trừ và Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và trái phiếu, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1 - 5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	63.624.538.526	63.187.441.881
TỔNG CỘNG	67.118.991.686	66.681.895.041

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho, văn phòng, phương tiện vận tải và một số dịch vụ cho thuê khác theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Đến 1 năm	11.232.215.309	12.537.201.166
Từ 1 - 5 năm	28.756.666.545	33.278.826.727
TỔNG CỘNG	40.028.881.854	45.816.027.893

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với các ngân hàng thương mại

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiến Industries. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà công ty An Tiến Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 87.600.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết số 200602/2025/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thực hiện quyền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. Số lượng quyền mua đăng ký thực hiện là 45.732.822 quyền mua, tương đương thực hiện quyền mua thêm 22.866.411 cổ phiếu. Ngày 2 tháng 7 năm 2025, sau khi thực hiện xong giao dịch này số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội mà Công ty nắm giữ là 68.599.233 cổ phiếu, chiếm 62,75% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 110702/2025/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua thêm 8.893.507 cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tương đương 8,14% vốn điều lệ của công ty con này. Đây là các cổ phiếu lẻ sau phát sinh làm tròn xuống và cổ phiếu phân phối lại do số cổ đông hiện hữu của Công ty Nhựa Hà Nội từ chối quyền mua. Sau khi thực hiện giao dịch này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tăng lên là 70,89% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 040802/2025/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng theo tỉ lệ sở hữu nước ngoài. Công ty dự kiến phát hành 11.468.234 cổ phiếu tương đương với 114.682.340.000 đồng.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn